TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Biên, ngày 29 tháng 9 năm 2017

Số: 115/2017/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017, giữa:

- Bà Đoàn Thị Bé N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Và Ông Lê Đình C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đoàn Thị Bé N và ông Lê Đình C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bé N và anh Lê Đình C tự nguyện thuận tình ly.

- Về con chung: Bà Đoàn Thị Bé N và ông Lê Đình C cùng thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lê Đình C, sinh ngày 31/7/1996 và Lê Đình C, sinh ngày 27/7/2001.

Đối với Lê Đình C đã đủ tuổi trưởng thành muốn sống với cha hay mẹ là tùy nguyện vọng của con, còn đối với Lê Đình C ông, bà thỏa thuận giao cho bà Đoàn Thị Bé N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung và ông Lê Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Bà Đoàn Thị Bé N và ông Lê Đình C xác định có tài sản chung là diện tích đất 64,8 m^2 trên đất có 01 căn nhà cấp 04 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 903635 ngày 03/3/2017 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho chị Đoàn Thị Bé N vào ngày 03/3/2017.

Hiện trạng nhà, đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Biên như sau:

1/ Về đất có tổng diện tích là 64,8 m^2, được mô tả bằng hình 1234, trong đó:

- Cạnh 1-2 giáp Quốc lộ 63 là 3,67 mét;

- Cạnh 2-3 giáp đất của ông Lưu Hy H là 21,68 mét;

- Cạnh 3-4 giáp sông xáng Xẻo Rô là 3,67 mét;

- Cạnh 4-1 giáp đất của bà Nguyễn Thị T là 21,68 mét.

2/ Về tài sản trên đất:

Có 01 căn nhà cấp 04 nằm hoàn toàn trên diện tích đất và một phần sàn nhà nằm trên mặt sông xáng Xẻo Rô diện tích nhà 84,64 m^2 .

Ông, bà thống nhất giá trị nhà, đất là tài sản chung là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Khi ly hôn ông, bà thống nhất giao nhà và đất cho bà Đoàn Thị Bé N sử dụng và sở hữu đồng thời bà Đoàn Thị Bé N có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Đình C ½ giá trị tài sản chung là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về thời gian giao tiền: Vào ngày 06/10/2017 bà Đoàn Thị Bé N giao trả cho ông Lê Đình Ch 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), vào ngày 06/02/2018 giao trả hết số

tiền còn lại là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Các đương sự thỏa thuận không tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ giao trả tiền.

- Về quan hệ nợ chung của vợ chồng: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí các đương sự thỏa thuận:

+ Án phí ly hôn:

Bà Đoàn Thị Bé N nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Án phí chia tài sản chung:

Bà Đoàn Thị Bé N phải nộp án phí đối với phần tài sản chung được chia là 100.000.000 đồng x 5% x 50% = 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Lê Đình Ch phải nộp án phí đối với phần tài sản chung được chia là 100.000.000 đồng x 5% x 50% = 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền án phí mà bà Đoàn Thị Bé N phải nộp là 2.650.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004177 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về các chi phí tố tụng khác: Các đương sự thỏa thuận bà Đoàn Thị Bé N nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 628.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng). Bà N đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- VKS cùng cấp;
- UBND xã H;
- L- u hồ sơ vụ án;